SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1019 /TB-TTCN

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO
Mức thu học phí đào tạo và tiền thuế Giá trị gia tăng theo quy định của Pháp luật

Căn cứ khoản 1, Điều 9, Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 quy định về thuế suất 10%; Công văn số 6193/CT-CS ngày 23/12/2025 của Cục thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-TTCN ngày 24/6/2026 của Hiệu trưởng về việc Ban hành mức thu học phí đào tạo lái xe cơ giới đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 1549/QĐ-TTCN ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng về việc Ban hành mức thu học phí đào tạo nghề trình độ Trung cấp và Sơ cấp năm 2026;

Trường Trung cấp nghề Giao thông Vận tải Thanh Hóa thông báo mức học phí đào tạo nghề và tiền thuế GTGT theo quy định của Pháp luật, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Ngành nghề đào tạo	Học phí	Thuế GTGT 8%	Tổng mức thu
1.	Lái xe ô tô hạng B số tự động	18.700.000	1.496.000	20.196.000
2.	Lái xe ô tô hạng B số cơ khí	18.300.000	1.464.000	19.764.000
3.	Lái xe ô tô hạng C1	21.100.000	1.688.000	22.788.000
4.	Nâng hạng B lên C1; C1 lên C	9.000.000	720.000	9.720.000
5.	Nâng hạng C lên D2; D2 lên D	9.900.000	792.000	10.692.000
6.	Nâng hạng B lên C; C1 lên D2	12.100.000	968.000	13.068.000
7.	Nâng hạng B lên D2; C lên D	12.900.000	1.032.000	13.932.000
8.	Lái xe mô tô hạng A1 (không có GPLX ô tô)	550.000	44.000	594.000
9.	Lái xe mô tô hạng A1 (có GPLX ô tô)	400.000	32.000	432.000
10.	Lái xe mô tô hạng A (không có GPLX ô tô)	2.500.000	200.000	2.700.000

11.	Lái xe mô tô hạng A (có GPLX ô tô)	2.200.000	176.000	2.376.000
12.	Ôn tập quá hạn lý thuyết + thực hành	1.200.000	96.000	1.296.000
13.	Ôn tập quá hạn lý thuyết	500.000	40.000	540.000
14.	Giấy chứng nhận Tập huấn nghiệp vụ lái xe KDVT	450.000		450.000
15.	Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức Pháp luật về GTĐB	500.000		500.000
16.	Trung cấp Công nghệ ô tô (12 tháng tốt nghiệp THPT và tương đương)	8.000.000		8.000.000
17.	Trung cấp Công nghệ ô tô (24 tháng tốt nghiệp THCS)	10.600.000		10.600.000
18.	Trung cấp Vận hành máy thi công nền (12 tháng tốt nghiệp THPT và tương đương)	8.800.000		8.800.000
19.	Trung cấp Vận hành máy thi công nền (24 tháng tốt nghiệp THCS)	10.600.000		10.600.000
20.	Trung cấp Công nghệ thông tin - Ứng dụng phần mềm (12 tháng tốt nghiệp THPT và tương đương)	6.000.000		6.000.000
21.	Trung cấp Công nghệ thông tin - Ứng dụng phần mềm (24 tháng tốt nghiệp THCS)	10.600.000		10.600.000
22.	Trung cấp Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ (12 tháng)	6.000.000		6.000.000
23.	Sơ cấp Sửa chữa ô tô (6 tháng)	6.000.000		6.000.000
24.	Sơ cấp Vận hành máy xúc (3 tháng)	6.500.000		6.500.000
25.	Sơ cấp Vận hành máy lu (3 tháng)	6.500.000		6.500.000
26.	Sơ cấp Vận hành máy ủi (3 tháng)	6.500.000		6.500.000
27.	Sơ cấp Vận hành cần trục ô tô (3 tháng)	6.500.000		6.500.000
28.	Sơ cấp Vận hành xe nâng hàng (3 tháng)	4.500.000		4.500.000
29.	Sơ cấp Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ (3 tháng)	3.000.000		3.000.000

Lưu ý:

1. Mức thu này áp dụng đối với các khóa học khai giảng từ ngày 01/7/2026;

2. Mức thuế GTGT sẽ được điều chỉnh theo chính sách thuế GTGT hiện hành của nhà nước.

3. Nộp học phí, thuế GTGT đối với các hình thức đào tạo để cấp Giấy phép lái xe hạng B, C1:

- Nộp lần 1: 50% học phí và tiền thuế GTGT khi nộp hồ sơ.

- Nộp lần 2: Nộp 50% học phí và tiền thuế GTGT còn lại nộp trước khi kiểm tra hết môn lý thuyết để chuyển sang học thực hành.

4. Đối với các nghề, hạng còn lại người học nộp 100% học phí, thuế GTGT ngay khi nộp hồ sơ hoặc hoặc khi làm thủ tục nhập học.

Vậy nhà trường thông báo để các đơn vị và cá nhân có liên quan biết để phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:
- Các đơn vị, cá nhân;
- Lưu: VT, QLTC.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HÓA

Phan Thanh Hải